

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-9-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Diệu;

2. Bà Phạm Thị Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị D**, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa (chị D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Viết N**, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

3. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Ng; bà Hà Thị X (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Viết N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã H (nay là xã Q), huyện Gi, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp

Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/10/2010. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình anh N tại huyện Gi, tỉnh Hải Dương; cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N chơi bời, không tu chí làm ăn; chị và gia đình đã nhiều lần góp ý, khuyên bảo nhưng anh N không thay đổi. Do mâu thuẫn, tháng 9/2015 chị đã đưa con về sống cùng bố mẹ đẻ của chị ở ...tỉnh Thanh Hóa và hai người sống ly thân, không ai quan tâm đến ai từ đó cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị và anh N có một con là Nguyễn Viết C, sinh ngày.../2011, kể từ khi vợ chồng sống ly thân (tháng 9/2015) chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Viết N: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh N đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do.

Tại đơn của bà Hà Thị X là mẹ đẻ của chị D trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung giữa chị D và anh N đúng như chị D trình bày. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D ly hôn anh N, giao con cho chị D nuôi dưỡng, bà sẽ hỗ trợ chị D về chỗ ở và việc chăm sóc, nuôi dạy con.

Tại lời khai, bà Nguyễn Thị Ng là mẹ đẻ của anh N trình bày: Bà xác định anh N đã biết việc chị D khởi kiện xin ly hôn, các giấy tờ của Tòa án gửi cho anh N, gia đình bà đã thông báo đầy đủ cho anh N biết; anh N có quan điểm là: Chị D tự làm đơn nên chị D tự làm việc với Tòa án chứ anh không về làm việc. Anh N đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị D theo quy định của pháp luật; về con, đề nghị Tòa án giao con cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc.

Chính quyền địa phương xã Q cung cấp: Về việc kết hôn, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh N đúng như chị D trình bày. Địa phương xác định mâu thuẫn giữa chị D và anh N đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D theo quy định của pháp luật và giao con cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại phiên Tòa: Chị D, anh N vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D đảm bảo

đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị D ly hôn anh Nguyễn Viết N; giao con Nguyễn Viết C cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho con; chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh N đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do; chị D đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai song bị đơn - anh N vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; chị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Viết N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã H (nay là xã Q), huyện Gi nơi sinh sống của anh N tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị D và anh N là hợp pháp.

[3] Do mâu thuẫn, từ năm 2015 đến nay chị D đã về sống cùng bố mẹ đẻ tại huyện..., tỉnh Thanh Hóa, hai người không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. HĐXX thấy rằng, tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..Như vậy, việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ năm 2015 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị D ly hôn anh N.

[4] Về con chung, chị D và anh N có 01 con là Nguyễn Viết C, sinh ngày .../2011. Từ khi sống ly thân, năm 2015 đến nay cháu C do chị D trực tiếp nuôi

đưỡng. Nay ly hôn, chị D đề nghị Tòa án giao con cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho con. HĐXX thấy rằng, hiện chị D làm công nhân, có thu nhập ổn định từ 5 đến 6 triệu đồng/tháng, có chỗ ở ổn định, được mẹ đẻ hỗ trợ trong việc trông nom, chăm sóc con; cháu C cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng con, chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho con.

[5] Về quan hệ tài sản, do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí, chị Lê Thị D khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; các điều 227, 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị D ly hôn anh Nguyễn Viết N.

2. *Về quan hệ con chung:* Xử giao cho chị Lê Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Nguyễn Viết C, sinh ngày.../2011 cho đến khi đủ 18 tuổi (trưởng thành); chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Nguyễn Viết N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Lê Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0009181, ngày 27 tháng 4 năm 2020.

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị Lê Thị D, anh Nguyễn Viết N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã Q, H.Ninh Giang;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Quốc Quân